

Số: 1476 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu
GT2025-85 – mua sắm “CCDC BDSC (Điện-C&I)”

Kính gửi: Các Nhà Cung Cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm hàng hóa cho gói thầu GT2025-85 – “CCDC BDSC (Điện-C&I)”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục đính kèm.
 - Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất năm 2024 trở lại đây
 - Các vật tư/thiết bị nhà thầu chào phải có tài liệu của nhà sản xuất, CO, CQ hoặc các tài liệu có giá trị tương đương cung cấp bởi nhà sản xuất/Cơ quan có thẩm quyền, chi tiết vui lòng xem phụ lục đính kèm.
 - Nhà thầu báo giá dựa trên xuất xứ của phụ lục: “Danh mục hàng hóa”, trong trường hợp vật tư/thiết bị có nguồn gốc xuất xứ khác thì phải có xác nhận của nhà sản xuất.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 10h00 ngày 18/07/2025
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Võ Ngọc Hà, Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn;

havn@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc NM Nguyễn Anh Tuấn (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (VNH).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục: Danh mục hàng hóa(Đính kèm công văn số: 14.76.../NMDSH1-KTATMT, ngày 01/7/2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói thầu GT2025-85 – mua sắm “CCDC BDSC (Điện-C&I)”

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn phím máy tính	Bàn phím máy tính tiêu chuẩn, 104 phím, giao tiếp chân tròn PS2	Key Tronic	Châu âu/G7/OECD	Cái	1	
2	Bộ que đo cho VOM	TLK-225 Set includes: - TL224 Test Lead Set - TP175 TwistGuard™ Test Probes - AC285 SureGrip™ Alligator Clips - AC220 SureGrip™ Alligator Clips - AC280 SureGrip™ Hook Clips - AC283 SureGrip™ Pincer Clips - A convenient six-pocket roll up pouch	Fluke	Châu âu/G7/OECD	Bộ	4	
3	Ổ cứng di động 4TB	HDD WD Elements Portable 4TB 2.5" USB 3.0 - WDBU6Y0040BBK-WESN	Western Digital	Châu âu/G7/OECD	Cái	3	
4	Máy in ống gen LM-550E	LM-550E - Màn hình: LCD ma trận : 64 x 160 pixel, đèn nền - Tốc độ in: 27.5mm/s (chuẩn) 10mm/s (chế độ in nhiệt độ thấp) - Độ dài in tối đa: Ống 20m, Băng 5m - Tối đa ký tự nhập: 1,225 ký tự - Nguồn cung cấp: 12 VDC, 3,3m	Max	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
5	Mô hàn	Mô hàn ATTEN AT938D	Atten	Châu âu/G7/OECD	Cái	1	
6	Bộ tô vít cách điện 1000V 8 chi tiết	Model: 117.0550 + 03 Tô vít 4 cạnh PH cán cách điện (+): PH0 - PH1 - PH2 + 04 Tô vít 2 cạnh cán cách điện (-): 2,5 - 4,0 - 5,5 - 6,5mm + 01 bút thử điện (-) 3mm	KS Tools	Châu âu/G7/OECD	Bộ	4	
7	Bộ Tiếp Địa 3 Pha	Bộ Tiếp Địa 3 Pha Di Động 500kV - Vật liệu sào: Sợi thủy tinh - Chiều dài sào: 3 sào x 6 mét - Cọc tiếp địa dài: 1500mm - Tiêu chuẩn: TCVN 5587 - 1991 - Tiết diện dây : 50mm ² - Chiều dài dây: 3 dây x 13 mét - Ngàm kẹp đến: 50mm - Điện áp sử dụng: 500kV/50/60Hz - Phụ kiện kèm theo: Túi đựng sào + cọc + dây	Fameca	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
8	Bộ Kích Bình ô tô 12V-24V	Nguồn điện ra: 12V/24V. Dung lượng pin: 358000mah. Dòng điện kích: 3000A. Nhiệt độ làm việc: -50°C ~ 60°C. Nguồn điện ra: USB 5V/2A 2 cổng. Công nghệ pin: Lithium Sản phẩm gồm: Thân máy, dây kích, nguồn sạc điện, bao đựng.	Vina-Japan	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
9	Hộp cứng bảo vệ VOM	C11XT Kích thước (DxRxC): 240 x 155 x 105mm (9,4 x 6,1 x 4,1inch) Vật liệu: Xốp EVA Ngăn đựng đồ: Một túi có khóa kéo và một túi lưới	Fluke	Châu âu/G7/OECD	Cái	12	
10	Máy hút bụi mini	BGL72294 – Kích thước: 275 x 320 x 480mm – Công suất: 2200W – Cường độ: 16A – Hiệu điện thế: 220-240V – Tần số: 50/60Hz	BOSCH	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
11	Máy thổi bụi bằng pin	M18 BBL Điện thế pin 18V Lưu lượng khí (m³ /p) 2.9 Tốc độ khí (km/h) 42.8 Bao gồm: Pin Lithium-ION (4.0 Ah) + Bộ sạc	Milwaukee	Châu âu/G7/OECD	Cái	8	
12	Bút (còi) thử điện cao áp	Model: Salisbury 4644 - Mức dò điện áp: 240V / 4.2kV/15kV/25kV/35kV/69kV/115kV/500kV - Sử dụng 3 pin C - Kích thước: 280x89 mm	Salisbury	Châu âu/G7/OECD	Cái	2	
13	Ống nghe điện tử	TKST 21 Electronic Stethoscope Kit 15kHz max	SKF	Châu âu/G7/OECD	Bộ	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
14	Bộ tua vít cách điện đa năng 18 chỉ tiết	Bộ vít 41231 - 1 x tuốc nơ vít có đầu giữ mũi SoftFinish® điện slimVario Stubby cho slimBits 6,0 mm - 1 x tuốc nơ vít có đầu giữ mũi vít SoftFinish® điện slimVario cho slimBits 6,0 mm - 1 x khe cắm điện bit slimBit 2,5 mm x 75 mm - 1 x khe điện bit slimBit 3,5 mm x 75 mm - 1 x khe điện bit slimBit 5,5 mm x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Phillips PH1 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Phillips PH2 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Pozidriv PZ1 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện Pozidriv PZ2 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện PlusMinus/Pozidriv SL/PZ1 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện PlusMinus/Pozidriv SL/PZ2 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T9 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T10 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T15 x 75 mm - 1 x bit slimBit điện TORX® T20 x 75 mm - 1 x lục giác điện bit slimBit 3,0 mm x 75 mm - 1 x lục giác điện bit slimBit 4,0 mm x 75 mm - 1 x lục giác điện bit slimBit 5,0 mm x 75 mm - 1 x túi gấp	Wiha	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	2	
15	Que đo điện	Model Fluke TL-75 Gồm que đỏ và que đen Chiều dài : 1.22m CAT II 1000 V, , 10 A rating	Fluke	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	2	
16	Bộ tua vít điện tử	436875 (PB 8220) Bộ bao gồm: 4 Đầu vít dẹt (mm) 1.8, 2, 2.5, 3 1 Đầu vít 4 cạnh PH 0 1 2 2 Đầu vít sao T10, T15 1 Đầu vít lục giác (mm) 5	PB Swiss Tools	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	5	
17	Bút thử điện không tiếp xúc	LVD-18 Dò điện áp tiếp xúc trực tiếp: 50V~600Vac Dò điện áp không tiếp xúc: 50V~600Vac Tần số: 50~500Hz Phân loại đo: CAT III 600V Chi thị: LED và Tone Độ ẩm : < 80% R.H. Độ cao : max 2000m Nguồn: 1.5V(AAA) × 2	SEW	Châu Âu/G7/OECD	Cái	8	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
18	Bút thử điện trung thế/ hạ áp	HSS-25B1 Dải điện áp: AC80 - 25000V Điện áp vận hành ban đầu (Điện áp tiếp đất): Điện áp thấp: Dây trần: AC 80V trở xuống Điện áp cao: Dây trần (φ3mm): AC 250V ± 50V Dây OC (φ5mm): AC 1000V ± 200V Tần số: 50/60Hz	HASEGAWA	Châu âu/G7/OECD	Bộ	2	
19	Cáp lập trình bộ đàm	PMKN4010B - Bao gồm cáp và phần mềm. - 01 đầu USB để kết nối vào máy tính. - 01 đầu để kết nối vào máy bộ đàm XiR M86xxi	Motorola	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
20	Lead Set with Connectors (for Hart 475)	TREX-0004-0001 Lead Set with connectors Form/Fit/Function alternative to 00375-0004-0001 Compatible with the TREX/475/375 platforms	Emerson	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
21	Đèn LED hắt công suất cao	M18 HOAL - Độ sáng tối đa: 3000/ 1500/ 650 lumen - Thời gian sử dụng tối đa: 2/4/9 giờ (Với pin B5) - Có chân đứng: 3 lỗ khóa - Khả năng xoay đầu: 240 độ - Các chế độ chiếu sáng: Cao/ Trung bình/ Thấp - Chân đế pin: M18™ REDLITHIUM™-ION - Điện áp: 18V	Milwaukee	Châu âu/G7/OECD	Bộ	2	
22	Súng đo nhiệt độ hồng ngoại	Fluke 62Max+ Phạm vi nhiệt độ hồng ngoại: -30°C đến 650°C Chính xác: ≥ 0°C: ± 1°C hoặc ± 1% Độ phân giải hiển thị: 0,1°C/0,1°F Khoảng cách: điểm: 12:1 Kích thước nguồn nhiệt tối thiểu: 12:1 Kích thước nguồn nhiệt tối thiểu: 19mm Thời gian đáp ứng (95%): <500 ms Phát xạ: 0,10-1,00 Tia laser đánh dấu điểm đo: 2 tia	Fluke	Châu âu/G7/OECD	Cái	3	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
23	Máy hút bụi mini cầm tay	Máy hút bụi Bosch GAS 18V-1 - Điện áp pin: 18.0 V - Trọng lượng không bao gồm pin: 1,3 kg - Thể tích thùng chứa: 0,7 l - Vùng bề mặt bộ lọc: 55 cm ² - Mức lưu lượng khí tối đa (tua-bin): 10 l/s - Áp lực chân không tối đa (tua-bin): 60 mbar - Thời gian hoạt động 18V: 7 phút/Ah	Bosch	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	1	
24	Đèn Pha Led	BVP151 LED120/CW 100W SWB G2 GM - Điện áp: 220-240V. - Công suất: 100W. - Quang thông: 12.000 lumen. - Nhiệt độ màu: 6500K / 4000K / 3000K. - Chỉ số màu: CRI > 80. - Kích thước: L244*W185*H34.5 mm. - Chỉ số IP: IP65. - Chỉ số IK: IK08.	Philips	Châu Âu/G7/OECD	Cái	15	
25	Đèn pin SP40	Sofirn SP40 * Bóng đèn LED : CREE XP-L * Pin: Sử dụng một pin Li-ion 18650 * Điện áp: 2,8V – 4,2V * Kích thước: 108mm (chiều dài) × 25mm * Trọng lượng: 63 ± 1 gram (chưa bao gồm pin) * Chống nước: IPX7 (chống thấm nước ở độ sâu tối đa 1m trong 30 phút) * Tính năng bảo vệ pin : Có; Bộ nhớ chế độ: Có; Nam châm : Có *Các mức sáng (Lumens): Thấp: 5 , Trung bình : 90, Cao : 450, Turbo : 1200	Sofirn	Châu Âu/G7/OECD	Cái	19	
26	Đèn pin SD05	Sofirn SD05 - Bóng đèn led : Cree XHP50.2 (Ánh sáng trắng ấm – 5000K) - Chống thấm nước: Tiêu chuẩn IPX8, chịu ngập ở độ sâu 100 mét - Chất liệu vỏ: Hợp kim nhôm hàng không 6061 anodized - Nguồn điện: Sử dụng 1 pin sạc loại 21700 dung lượng 4000mAh - Điện áp làm việc: 3 – 4,5V - Trọng lượng tịnh: 120g (Không bao gồm pin) - Một bộ sản phẩm bao gồm: 1 đèn + 1 pin sạc chính hãng 4000mAh + 1 bộ sạc pin USB hoặc DC 220V + dây đeo	Sofirn	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
27	Đèn pin sạc siêu sáng đa năng 120W	TD-9855 - Trọng lượng tạm tính: 3Kg - Loại bóng: LED T6 - Màu sáng: Sáng trắng - Công suất: 120W - Chế độ sạc: Sạc trực tiếp trên thân đèn - Nguồn: 4V 8000mAh - Thời gian chiếu sáng: 8- 12 giờ (đktc) - Thời gian sạc: 8 đến 10 tiếng	Sankara	Châu âu/G7/OECD	Cái	2	
28	Đồng hồ VOM	FLUKE-87V-MAX/E2 KIT DCV : 1000V / $\pm(0.05\%+1)/10 \mu V$ + ACV : 1000V / $\pm(0.7\%+2)/0.1 mV$ + DCA : 10A / $\pm(0.2\%+2)/ 0.01 \mu A$ + ACA : 10A / $\pm(1.0\%+2)/ 0.1 \mu A$ + Ω : 50 M Ω / $\pm(0.2\%+1)/0.1\Omega$ + C : 9,999 μF / $\pm(1\%+2)/0.01 nF$ + F : 200 kHz / $\pm(0.005\%+1)/0.01 Hz$ + Duty Cycle : 99.9% / $\pm 0.2\%$ / 0.1% + Nhiệt độ : -200.0°C - 1090°C	Fluke	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
29	Precision Acoustic Imager	Fluke II910 - Sensor: + Frequency Band 2 kHz to 100 kHz + Nominal Frame Rate 25 fps + Detection Range 0.5 to 120m - Built-in Digital Camera (visible light): + Field of View 63° $\pm 5^\circ$ + Focus Fixed lens - Display: + Size 22 86 cm (7") LCD with backlight, under-sunlight readable + Resolution 1280 $\times$ 800 (1,024,000 pixels) + Acoustic Image Yes, SoundMap™ image. - General Specifications: + Battery Life 6 hours/battery (product includes spare battery) + General Safety IEC 61010-1 - Included Accessories: AC Power Supply, Battery Pack Charger, Two Lithium-ion Smart Battery Packs, USB Cable, Rugged, Hard Carrying Case, Two Rubber, Array Covers, Adjustable Hand, and Neck Strap	Fluke	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	
30	Lever Action Crimping Pliers with changer magazine	Knipex 97 33 02 Handles: with multi-component grips Weight: 870g-Dimensions: 250x75x28 mm Capacity in square millimetres: 0.5 — 6.0 mm ² Number of crimp profiles: 5	Knipex	Châu âu/G7/OECD	Cái	2	
31	Pressure Adapters and Fittings	ADT102 1/4NPT male to various connectors (25pcs, case included)	Additel	Châu âu/G7/OECD	Bộ	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
32	SWA Cable Cutter	Knipex Article No. 95 36 315 A EAN: 4003773078579 Pliers: black lacquered Handles: insulated with multi-component grips, VDE-tested Standard: IEC 60900 DIN EN 60900 Cutting capacity copper cable, multiple-stranded: 380 mm² Cutting capacity copper cable, multiple-stranded: Ø45 mm	Knipex	Châu Âu/G7/OECD	Cái	1	
33	Máy đo khoảng cách Laser	GLM100 Đi-ốt laser: 635nm, < 1 mW Phạm vi đo: 0,05 - 100m Loại có laser: 2 Độ chính xác: ± 1.5mm Thời gian đo thông thường: < 0.5s Thời gian đo tối đa: 4s Nguồn cấp điện: 2x1.5V LR03 (AAA) Đơn vị đo: m Phụ kiện kèm theo: Túi bảo vệ, 2x1.5V LR03 (AAA)	Bosch	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	1	
34	Ổ cứng di động 2T	SSD T7 Shield USB 3.2 Gen 2 2TB	Samsung	Châu Âu/G7/OECD	Cái	2	
35	Máy đo tốc độ vòng quay	Model 931 Phạm vi đo : Đo quang học (không tiếp xúc): 1 đến 99999 vòng/phút Đo tiếp xúc : 1 đến 19999 vòng/phút Độ chính xác : ±0,02%RD+1 Khoảng cách cảm ứng : (quang học) 500 mm Nguồn : Pin AA (2) 1,5V LR6 (kiềm)	Fluke	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	1	
36	Máy hàn chì dùng pin	M12 SI Gồm Máy + 1Pin 4A + Sạc Công nghệ pin Li-Ion - Hiệu thế pin 12 V - Khả năng xoay góc: 0, 45 và 90 độ - Tốc độ làm nóng đầu hàn: 20-30 giây - Nhiệt độ đầu hàn: 400 độ C - Công suất tương đương: 90W - Có đèn led chiếu sáng	Milwaukee	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Tham khảo nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
37	Máy in nhãn	PT-E550WVP - Display type: 16 characters x 3-line backlit graphical LCD with print preview - Interfaces: USB, Wi-Fi and Wireless Direct - Print speed: 30mm per second (AC Power adapter) 20mm per second (battery) - Maximum tape width: 24mm - Maximum print height: 18mm - Cutter type: Automatic (full and half cut) - Powered by: BA-E001 Rechargeable Li-ion battery (included) 6 pcs of AA Alkaline / Rechargeable batteries (LR6/HR6 - not included) - Labelling: + Black on yellow TZe-S621, 9mm + Black on white TZe-Fx221, 9mm + Black on yellow TZe-Fx611, 6mm	Brother	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	1	
38	Ổ đĩa DVD gắn ngoài	SDRW-08D2S- U Lite Tốc độ đọc: DVD + R: 8X, DVD-R: 8X, DVD + RW: 8X, DVD-RW: 8X, DVD-ROM: 8X , DVD + R (DL): 8X, DVD-R (DL): 8X ,DVD-ROM (DL): 8X, DVD-RAM: 5x , CD-R: 24X, CD-RW: 24X ,CD-ROM: 24X, DVD Video Playback: 4X, VCD Phát lại: 10X Tốc độ ghi: DVD + R: 8X, DVD-R: 8X, DVD + RW: 8X, DVD-RW: 6X, DVD + R (DL): 6X, DVD-R (DL): 6X, DVD-RAM: 5x, CD-R: 24X, CD-RW: 16X Chuẩn cắm: USB 2.0	ASUS	Châu Âu/G7/OECD	Cái	1	
39	Máy hiện sóng	P 1206 Sampling 1 CH:1 GS/s Sampling 2 CH:500 MS/s Bandwidth:70 MHz Battery:Li-Ion 7,4 V 8000 mAh Channels:2 CH Display Type:Touchscreen TFT Hor. scale max.:1000 s/div Hor. scale min.:2 ns/div Mains voltage:110/240 V AC; 50/60 Hz Memory depth:40.000.000 Points Resolution:800 x 600 Pixel Rise Time:< 5 ns Screen size (TFT):20 cm (8") Vert. resolution:8 Bit Vert. scale max.:10 V/div Vert. scale min.:1 mV/div	PeakTech	Châu Âu/G7/OECD	Bộ	1	